TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƯ THANH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/DS-ST.
Ngày: 15 - 5 - 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Huy

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Vũ Ngọc Tài
2. Ông Nguyễn Văn Len

- Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXX-ST ngày 28 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-DS ngày 23/4/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm 1975
Trú tại: phu phố Đ, thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.
Có mặt

Bị đơn: Chị Hoàng Thị L - Sinh năm 1983
Nơi ĐKHKTT: thôn X, xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.
Vắng mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
- Anh Trịnh Văn T1 - Sinh năm 1974
Trú tại: phu phố Đ, thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.
Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/9/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trịnh Văn T1 trình bày:

Vì tin tưởng có họ hàng với nhau nên ngày 13/02/2017 chị có cho chị Hoàng Thị L vay số tiền 323.000.000 đồng, không lãi; trong giấy không ghi thời hạn vay nhưng chị và chị L thống nhất miệng với nhau là hằng tháng chị L sẽ trả dần tiền cho chị nhưng không nói mỗi tháng trả bao nhiêu tiền.

Sau khi vay tiền, chị L bỏ đi khỏi địa phương, chị không tìm được chị L để đòi nợ. Đến đầu tháng 9/2024 chị L về địa phương, chị đến đòi nợ, chị L vẫn không trả. Chị đã nhờ công an xã Y giải quyết giải quyết nhưng không được.

Vì vậy, chị Nguyễn Thị T làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Hoàng Thị L phải trả cho chị 323.000.000 đồng. Chị T không yêu cầu chị L trả lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng chị yêu cầu chị L chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

Chị T không yêu cầu chồng của chị L tại thời điểm vay tiền là anh Nguyễn Bá C (đã ly hôn ngày 13/6/2018) phải liên đới trả nợ cho chị.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị T đã nộp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ say đây: Giấy vay tiền (bản gốc); Giấy xin xác nhận của Công an xã Y về việc chị T có gặp chị L để đòi nợ; Đơn đề nghị không hoà giải đối thoại; Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ngày 26/9/2024; Bản tự khai của chị T; Đơn đề nghị không tiến hành hoà giải và các chứng cứ khác liên quan đến nhân thân người khởi kiện.

Tại Bản tự khai ngày 15/9/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trịnh Văn T1 (chồng chị T) trình bày: Anh không trực tiếp cho chị L vay tiền nhưng anh biết chị T (vợ anh) cho chị L vay 323.000.000 đồng, đến nay chưa trả, số tiền chị T cho chị L vay là tài sản chung của vợ chồng anh. Anh yêu cầu chị L trả nợ cho vợ chồng anh như chị T đã trình bày. Kèm theo bản tự khai, anh T1 đã nộp cho Tòa án đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và các chứng cứ khác liên quan đến nhân thân của anh.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng bao gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập bị đơn Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị L không có mặt theo yêu cầu của Tòa án.

Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập các tài liệu chứng cứ để có cơ sở giải quyết vụ án. Kết quả xác minh thể hiện:

- Sau khi vay chị T 323.000.000 đồng, chị L đã đi khỏi địa phương.
- Đến đầu tháng 9/2024, chị L trở về. Chị T đã đến gặp và trực tiếp yêu cầu chị L trả nợ nhưng chị L không trả. Sau đó ít ngày, chị L đi khỏi địa phương cho đến nay mà không thông báo địa chỉ mới cho chị T.
- Đây là khoản nợ riêng của chị L. Không có tài liệu, chứng cứ thể hiện anh Nguyễn Bá C (chồng chị T tại thời điểm vay nợ) biết hoặc được hưởng lợi từ khoản tiền chị L vay.

Tòa án đã đăng tin tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú là chị Hoàng Thị L nhưng không có kết quả.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Hoàng Thị L vắng mặt không có lý do. Chị Nguyễn Thị T và anh Trịnh Văn T1 có mặt. Chị T và anh T1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc chị Hoàng Thị L phải trả cho gia đình chị tổng cộng 323.000.000 đồng.

Về chi phí tố tụng khác: Chị T, anh T1 đề nghị được chịu toàn bộ chi phí nhắn tin tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú và các chi phí tố tụng khác (trừ án phí)

Phần tranh luận: Không ai có tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về Luật Tố tụng Dân sự; nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Hoàng Thị L phải trả cho chị Nguyễn Thị T và anh Trịnh Văn T1 tổng số tiền 323.000.000 đồng. Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có nơi làm việc tại huyện N, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Như Thanh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Các bên đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nên theo quy định tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án không áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự vê thời hiệu khởi kiện.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn Hoàng Thị L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị không có mặt theo yêu cầu của Tòa án; vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung:

[4] Hợp đồng vay tài sản ngày 13/02/2017 giữa chị Nguyễn Thị T và chị Hoàng Thị L đã đảm bảo các điều kiện của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 và Điều 463 của Bộ Luật Dân sự nên hợp đồng có hiệu lực.

[5] Về quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng: Giấy vay tiền do chị Nguyễn Thị T và chị Hoàng Thị L ký tên. Chị T và anh T1 thừa nhận đây là tài sản chung của vợ chồng nên hợp đồng phát sinh quyền và nghĩa vụ đối với bên cho vay là chị Nguyễn Thị T và anh Trịnh Văn T1, bên vay là chị Hoàng Thị L. Trong giấy vay tiền ngày 12/3/2017 không ghi tên anh Nguyễn Bá C (chồng chị L tại thời

điểm chị L vay tiền). Không có tài liệu, chứng cứ thể hiện anh Nguyễn Bá C (chồng chị T tại thời điểm vay nợ) biết hoặc được hưởng lợi từ khoản tiền chị L vay. Do đó, hợp đồng không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ đối với anh C. Trường hợp chị L có yêu cầu anh C cùng chịu trách nhiệm với chị để trả nợ trong thời kỳ hôn nhân thì chị có quyền khởi kiện thành vụ án khác về chia tài sản và công nợ sau ly hôn.

[6] Về trách nhiệm trả nợ và thời điểm trả nợ: Hợp đồng vay tài sản nói trên không xác định thời hạn; bên cho vay đã yêu cầu bên vay trả nợ từ tháng 9/2024 nhưng đến nay bên vay vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy buộc bên vay tài sản là chị Hoàng Thị L phải trả nợ cho chị Nguyễn Thị T và anh Trịnh Văn T1 ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 466 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự. Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì phải chịu lãi chậm thi hành án.

[7] Về lãi chậm thi hành án: Hợp đồng vay tài sản không có thỏa thuận về lãi suất nên kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[8] *Về án phí:* Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về khoản nợ nên nguyên đơn không phải chịu án phí; ngược lại, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 23/12/2016 của UBTV Quốc Hội

[9]*Về chi phí tố tụng khác:* Chi phí nhắn tin tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú hết 7.000.000 đồng. Chị T đề nghị được chịu toàn bộ và đã nộp đủ số tiền trên.

[10] *Về quyền kháng cáo, kháng nghị:* Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại các Điều 271; 273; 278; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 117; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469 của Bộ luật Dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 23/12/2016 của U.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T cụ thể như sau:

Buộc chị Hoàng Thị L phải trả cho chị Nguyễn Thị T và anh Trinh Văn T2 tổng số tiền: 323.000.000 đồng (ba trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm.

Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu 16.150.000 đồng (mười sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.075.000 đồng (tám triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0005568 ngày 26/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa có quyền kháng nghị bản án theo quy định tại các Điều 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Thanh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THA DS huyện Như Thanh (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Đình Huy